

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Y
TỈNH NINH BÌNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2025/HNGĐ-ST

Ngày 20/6/2025

Về xin ly hôn, tranh chấp nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Y - TỈNH NINH BÌNH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Thủy.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thu Phương

Bà Đinh Thị Ngọc Lan

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Hạnh, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Ninh Bình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y tham gia phiên tòa: Bà Đinh Khánh Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 6 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Y - tỉnh Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 58/2025/TLST - HNGĐ ngày 03 tháng 4 năm 2025 về tranh chấp: “*Xin ly hôn, tranh chấp nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2025/QĐXXST - HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2025/QĐST-HNGĐ ngày 28/5/2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị T, sinh ngày 10/9/1983

Địa chỉ: xóm A, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình.

Số định danh cá nhân 0371830047xx.

Bị đơn: Anh Phạm Đức T1, sinh ngày 26/02/1983

Địa chỉ: xóm A, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình.

Số định danh cá nhân 0370830183xx.

Tại phiên tòa, chị T có mặt; anh T1 vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa chị Hoàng Thị T trình bày:

Chị kết hôn với anh Phạm Đức T1 được tự do tìm hiểu tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã K vào ngày 25/02/2003. Trong quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc, từ cuối năm 2020 thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do anh T1

chơi bời, không quan tâm đến vợ con và thường xuyên đi chơi đêm. Dù chị đã khuyên bảo nhiều lần nhưng anh T1 vẫn không thay đổi, nên dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi chửi, đánh nhau. Đến ngày 10/01/2025, do chị không chịu đựng được nữa, chị đã bỏ nhà đi thuê nhà trọ để ở. Vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay, không ai quan tâm đến nhau nữa. Trong thời gian chị ra ngoài ở, anh T1 vẫn tiếp tục gây sự đánh đập chị. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không thể tiếp tục kéo dài được nữa. Chị T đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T1 để chị có điều kiện ổn định cuộc sống.

Về con chung: Chị T và anh T1 có ba con chung là cháu Phạm Thị Kiều T2, sinh ngày 08/6/2004, cháu Phạm Đức H, sinh ngày 25/6/2006 và cháu Phạm Hoàng A, sinh ngày 19/5/2013. Hiện nay cháu T2 và cháu H đã trưởng thành tự lập được cuộc sống, nên chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết; đối với cháu Hoàng A còn nhỏ chị T xin được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu cho đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi; về phần cấp dưỡng nuôi con, chị T xin tự giải quyết không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nghề nghiệp của chị T hiện nay làm công nhân của công ty giày da ở xã K, huyện Y thu nhập bình quân hàng tháng là 8.000.000 đồng. Còn nghề nghiệp của anh T1 làm lao động tự do thu nhập thì chị T không nắm được.

Về tài sản chung, về công nợ chung: Chị T đề nghị tự giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn- Anh Phạm Đức T1 không có ý kiến trình bày gì mặc dù Toà án đã tổng đạt văn bản tố tụng hợp lệ.*

Phát biểu của Kiểm sát viên:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đúng trình tự quy định của pháp luật. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định; Bị đơn không thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Áp dụng Điều 56; 81; 82; 83; 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 228 BLTTDS năm 2015; điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị HĐXX xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hoàng Thị T, xử cho chị Hoàng Thị T được ly hôn anh Phạm Đức T1. Về con chung: Giao cho chị Hoàng Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục cháu Phạm Hoàng A, sinh ngày 19/5/2013 đến khi cháu đủ 18 tuổi. Về phần cấp dưỡng nuôi con chị và anh T1 tự giải quyết. Các bên được quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được ngăn cản, khi cần thiết cả hai có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con. Về án phí ly hôn: chị Hoàng Thị T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về quan hệ hôn nhân*: chị Hoàng Thị T và anh Phạm Đức T1 kết hôn được tự do tìm hiểu và tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã K vào ngày 25/02/2003. Đây là cuộc hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, thời gian đầu hạnh phúc sau đó xảy ra mâu thuẫn cãi chửi nhau do bất đồng quan điểm cách sống, thôn xóm đã phải can thiệp hoà giải nhưng vợ chồng không khắc phục được mâu thuẫn, chị T bỏ nhà ra ngoài thuê nhà để ở từ đầu năm 2025 và vợ chồng đã sống ly thân từ đó cho đến nay, không ai còn quan tâm đến nhau nữa. Toà án cũng đã có biên bản xác minh về mâu thuẫn của vợ chồng chị T, anh T1 và đã được Chính quyền địa phương cung cấp về mâu thuẫn, hiện anh chị không còn chung sống cùng nhau nữa. Quá trình giải quyết vụ án, anh T1 có mặt tại địa phương nhưng không đến làm việc mặc dù đã được Toà án tổng đạt văn bản tố tụng hợp lệ. Chị T đề nghị Toà án không tiến hành hoà giải. Đến nay chị T kiên quyết xin ly hôn do xác định tình cảm vợ chồng không còn. Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh T1 đã thực sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, nên căn cứ Điều 56, 57 luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, cần chấp nhận đơn khởi kiện của chị T xử cho chị T được ly hôn anh T1 là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2]. *Về con chung*:

Chị T và anh T1 có ba con chung là cháu Phạm Thị Kiều T2, sinh ngày 08/6/2004, cháu Phạm Đức H, sinh ngày 25/6/2006 và cháu Phạm Hoàng A, sinh ngày 19/5/2013. Hiện nay cháu T2 và cháu H đã trưởng thành tự lập được cuộc sống, nên không đặt vấn đề giải quyết nuôi con. Đối với cháu Hoàng A còn nhỏ chị T xin được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu; nguyện vọng của cháu Hoàng A là muốn ở với mẹ. Do vậy cần giao cháu Hoàng A cho chị T được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu đến khi cháu đủ 18 tuổi là phù hợp. Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con chị T xin được tự giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3]. *Về tài sản chung, công nợ chung*: Chị T không đề nghị Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. *Về án phí dân sự sơ thẩm*: chị T phải chịu án phí ly hôn theo quy định pháp luật.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời gian luật định.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 56, 57, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Hoàng Thị T.

Xử cho chị Hoàng Thị T được ly hôn anh Phạm Đức T1. Quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh T1 chấm dứt kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Giao cho chị Hoàng Thị T được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục cháu Phạm Hoàng A, sinh ngày 19/5/2013 cho đến khi cháu Hoàng A trưởng thành đủ 18 tuổi. Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con chị T và anh T1 tự giải quyết. Các bên được quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được ngăn cản, khi cần thiết cả hai có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Án phí ly hôn: Chị Hoàng Thị T phải nộp 300.000^d (Ba trăm nghìn đồng) được đối trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000^d (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí BLTU/23 số 0001792 ngày 02/4/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Y.

Án xử công khai sơ thẩm, chị T có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh T1 vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi gửi

- TAND tỉnh Ninh Bình
- VKSND H, Y
- Chi cục thi hành án Ds TP Y
- UBND xã
- Các đương sự
- Lưu hs
- Lưu cq

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thị Bích Thủy

